

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/ 2023/HS - ST

Ngày: 28 - 12 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Vũ Thị Thiên Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định

Bà Vũ Thị Xuyên

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa:
ông Phạm Lã Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2023/TLST - HS ngày 19 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 11 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 08/HSST-QĐ ngày 29/11/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nông Thị H**; sinh ngày 12/12/1969, tại Y, Bắc Giang; nơi ĐKNKTT: Xóm F, khu T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện tại: Tổ C, khu H, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Nùng; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T và bà Ninh Thị H1; Chồng: Vũ Xuân T1; con: có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án: ngày 30/11/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xử phạt 21 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đến ngày 26/3/2023 chấp hành xong bản án; tiền sự : Không.

Bị cáo bị bắt, giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 09/5/2023, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố U, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phạm Văn K**; sinh ngày 12/01/1991, tại thị xã K, tỉnh Hải Dương; nơi thường trú: Thôn N, xã T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Lê Thị C1; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 09/5/2023, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố U, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Đinh Tiến Đ**; sinh ngày 02/12/1996, tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: tổ B, khu G, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn C2 con bà Bùi Thị T2; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 09/5/2023, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố U, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Trần Thị T3**; sinh ngày 20/11/1993, tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: tổ A, khu H, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: tổ I, khu A, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân H2 và bà Ngô Minh T4; có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 9/5/2023, tạm giữ từ ngày 9/5/2023 đến ngày 17/5/2023 hiện đang tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Những người làm chứng:

1) Anh Vũ Văn S, sinh năm: 1976; địa chỉ: tổ F, khu D, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

2) Anh Nguyễn Xuân D, sinh năm: 1970; địa chỉ: tổ G, khu H, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

3) Chị Ngô Thanh H3, sinh năm: 1996; địa chỉ: tổ I, khu A, phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

4) Chị Bùi Thị Đ1, sinh năm: 1980; địa chỉ: tổ C, khu H, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

5) Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1995; địa chỉ: thôn M, xã T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/5/2023, Nông Thị H cùng chị Hỏa Thị Bích T5, sinh năm 1985, trú tại làng B, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang thuê của chị Bùi Thị Đ1 01 ngôi nhà ở tổ C, khu H, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh nhằm mục đích mở quán bia. Sau khi thuê, chị T5 về quê giải quyết công việc, còn H ở lại ngôi nhà để trông coi, quản lý, sửa chữa chuẩn bị mở quán bia.

Khoảng 13 giờ ngày 09/5/2023, tại quán, H uống bia cùng bạn là Phạm Văn K, Trần Thị T3 và anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1995, trú tại thôn T, xã T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Trong khi uống bia, K nói muốn mua ma túy loại “đá” để sử dụng. T3 nói K đưa tiền để T3 đi mua ma túy nên Khu đưa cho T3 1.150.000 đồng trong đó 1.000.000đ mua ma túy, còn lại mua bò khô. Sau khi cầm tiền của Khu, T3 để trong bóp xe mô tô rồi gọi điện cho Đinh Tiến Đ nhờ Đ mua hộ 1.000.000 đồng ma túy, Đ đồng ý rồi gọi điện thoại cho một người đàn ông tên T6 ở xã Q, thành phố H hỏi mua ma túy loại “đá” với giá 1.000.000

đồng, T6 đồng ý. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô đến nhà của H. Tại đây T3 đưa cho Đ 1.000.000đ, sau đó Đ đến nhà T6 gặp và mua của T6 02 túi nilon cùng kích thước khoảng (2x2)cm chứa chất tinh thể màu trắng. T6 còn cho Đ 01 ống hút bằng nhựa và 01 ống thủy tinh màu trắng, một đầu uốn cong có bầu tròn để sử dụng ma túy.

Sau khi mua được ma túy, Đ quay về quán của H. Tại đây, Đ nhặt một chai nhựa trước cửa quán rồi mang vào khu vực nhà vệ sinh, dùng kéo đục 02 lỗ trên nắp chai rồi gắn ống nhựa và ống thủy tinh vào để làm dụng cụ sử dụng ma túy. Sau đó, Đ, Khu, anh M vào một phòng riêng của quán. Vào phòng, K gọi H và T3 “còn ai vào nữa không”. H nói “các em cứ chơi đi chị không chơi”, còn T3 đang sử dụng điện thoại nên chưa vào. Trong phòng, Đ bỏ 01 túi nilon ma túy cho vào dụng cụ sử dụng, châm lửa đốt để hít ma túy, rồi chuyển dụng cụ và châm lửa cho K sử dụng. Khoảng 15 giờ 20 phút cùng ngày, khi đến lượt M chuẩn bị sử dụng ma túy thì bị Tổ công tác Công an phường V kiểm tra, Đ lấy túi ma túy còn lại chưa kịp sử dụng vớt ra góc phòng nhưng bị phát hiện. Tổ công tác thu giữ 01 túi nilon màu trắng KT (2x2)cm chứa chất tinh thể màu trắng; 01 chai nhựa màu trắng, nắp xanh đục 02 lỗ tròn, một lỗ gắn ống hút nhựa màu đỏ dài 20cm, một lỗ gắn ống thủy tinh màu trắng dài 20cm, một đầu thẳng và một đầu nối cong hình bầu tròn bên trong dính chất dạng vết màu nâu; 01 bật lửa gas dán chữ “Hoa Việt”.

Bản Kết luận giám định 578/KL-KTHS ngày 15/5/2023 kết luận: Chất màu nâu dạng vết trong bầu tròn ống thủy tinh là ma túy loại Methamphetamine, dạng vết không xác định được khối lượng. Mẫu vật thu giữ của Đinh Tiến Đ là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,172 gam.

Bản Kết luận giám định số 583/KL-KTHS ngày 16/5/2023 kết luận: Tìm thấy chất ma túy Methamphetamine trong mẫu nước tiểu thu của Đinh Tiến Đ, Phạm Văn K, Trần Thị T3, Nông Thị H. Không tìm thấy chất ma túy thường gặp và sản phẩm chuyển hoá trong mẫu nước tiểu thu của Nguyễn Văn M.

Căn cứ vào các tài liệu điều tra, ngày 9/5/2023, Cơ quan điều tra đã bắt, giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nông Thị H, Phạm Văn K, Đinh Tiến Đ, Trần Thị T3 đồng thời thu giữ của H 01 (một) điện thoại IPHONE vỏ màu trắng gắn sim số 0379.399.224; của Khu 01 (một) điện thoại VIVO gắn sim 0398.043.188; của Đ 01 (một) điện thoại IPHONE gắn sim số 0836.912.929 và của T3 01 (một) điện thoại IPHONE gắn sim số 0934.204.222.

Tại các biên bản kiểm tra điện thoại của Nông Thị H, Phạm Văn K, Đinh Tiến Đ, Trần Thị T3 vào ngày 10/5/2023 thể hiện: có các cuộc gọi giữa các bị cáo phù hợp với thời gian các bị cáo đã khai.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nông Thị H, Phạm Văn K, Đinh Tiến Đ, Trần Thị T3 khai nhận như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Ngoài ra, bị cáo Nông Thị H khai: Quán do bị cáo và T3 ở Bắc Ninh thuê để mở quán bán hàng, do có việc gia đình nên chị T3 đã về quê trước đó khoảng 5 ngày, bị cáo có trách nhiệm trông coi quản lý quán, bản thân bị cáo biết việc Khu, Đ, M, vào phòng sử dụng ma túy vì là chỗ chị em bạn bè thân thiết nên bị cáo cũng không có ý kiến mà để mặc họ sử dụng.

Bị cáo Phạm Văn K khai nhận khoảng 14h ngày 09/5/2023, bị cáo đến nhà bị cáo H chơi do có nhu cầu sử dụng ma túy nên bị cáo có đưa tiền cho bị cáo T3 để mua ma túy, việc T3 nhờ Đ mua ma túy ở đâu, như thế nào bị cáo không biết, sau khi Đ và T3 đi đâu đó 1 lúc quay về thì Đ vào khu vệ sinh chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy và thông báo gọi mọi người “ xong hết rồi” bị cáo vào khu nhà vệ sinh sử dụng ma túy cùng Đ sau đó cả 2 vào phòng khách sử dụng ma túy tiếp, vào phòng, bị cáo gọi H và T3 “còn ai vào nữa không”. H nói “các em cứ chơi đi chị không chơi”, M đi vào phòng, Đ bỏ ma túy cho vào dụng cụ sử dụng, châm lửa đốt để hít ma túy, rồi đưa bị cáo sử dụng, sau đó bị cáo đưa M. Khi bị cáo và Đ, M đang sử dụng bị công an kiểm tra phát hiện. Bị cáo xác định mua ma túy về cho mọi người cùng dùng chứ không thu tiền hay yêu cầu mọi người đóng góp.

Bị cáo Đinh Tiến Đ xác nhận: do là bạn bè nên khi T3 gọi điện nhờ bị cáo mua hộ 1.000.000 đồng ma túy bị cáo đã liên lạc mua được 2 túi ma túy của T6 nhà ở xã Q, thành phố H. Sau khi mua ma túy về bị cáo chuẩn bị dụng cụ tự chế châm lửa đốt để hít ma túy sau đó chuyển dụng cụ và châm lửa cho K và M sử dụng, khi đang sử dụng ma túy thì bị Tổ công tác Công an phường V kiểm tra phát hiện, do sợ hãi bị cáo lấy túi ma túy còn lại vứt ra góc phòng nhưng bị cơ quan Công an phát hiện bắt giữ. Bị cáo xác định mua hộ ma túy cho Khu để về cùng sử dụng, không được hưởng lợi gì.

Bị cáo T3 khai nhận: Khoảng 13h ngày 9/5/2023 bị cáo đến quán bị cáo H chơi được bị cáo K đưa tiền rủ mua ma túy về chơi, bị cáo liên lạc với Đ nhờ Đ mua hộ ma túy. Sau khi Đ mua được ma túy mang về bị cáo Đ làm như thế nào bị cáo cũng không biết chỉ biết 1 lúc sau bị cáo Đ bị cáo K đi vào phòng ở bên trong quán, sau đó bị cáo K gọi “mọi người vào đây chơi” thì M đi vào bị cáo ở ngoài chưa vào. Khoảng 5 phút sau khi bị cáo và bị cáo H vừa đi đến cửa phòng mà bị cáo K, M, Đ sử dụng ma túy.

Người làm chứng: anh Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra thể hiện: Khoảng 14h 15 phút ngày 09/05/2023 anh đến quán bia chị H tại tổ C khu H phường V, thành phố U, uống bia cùng chị H, việc Khu, T3 bàn bạc mua ma túy như thế nào, Đ mua ma túy ở đâu anh không biết. Sau đó anh được Đ gọi bảo “có chơi thì vào” anh đi vào phòng thì thấy anh Đ và anh K đang sử dụng ma túy. Anh Đ dùng hút cầm bật lửa đốt ma túy cho anh hút. Anh K có gọi chị H vào phòng để dùng ma túy nhưng không thấy chị H vào, khi anh và Khu, Đ đang sử dụng ma túy thì cơ quan Công an vào kiểm tra lập biên bản thu giữ vật chứng, khi cơ quan công an kiểm tra bị cáo Đ lấy túi ma túy trong túi vứt ra góc phòng nhưng bị cơ quan Công an phát hiện bắt giữ.

Ông Vũ Văn S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra thể hiện: vào khoảng 15 giờ 20 phút ngày 09/5/2023, tại nhà chị Nông Thị H ở tổ C, khu H, phường V ông chứng kiến lực lượng công an kiểm tra phát hiện 3 thanh niên sau này được biết tên là Đinh Tiến Đ, Phạm Văn K, Nguyễn Văn M đang ngồi trong phòng, thì 1 trong 3 thanh niên vứt về phía góc phòng 1 túi nilon. Nhưng bị công an phát hiện, ông nghe thấy người thanh niên khai nhận với công an túi nilon đó là ma túy dạng đá, tại nền nhà 3 thanh niên ngồi có bộ

dụng cụ sử dụng ma túy đá, sau đó cơ quan Công an lập biên bản thu giữ vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bà Bùi Thị Đ1 là đại diện hợp pháp chủ nhà vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra thể hiện ngày 5/5/2023 chị Hỏa Thị Bích T5 và một người phụ nữ là bạn chị T5 tên là H đến hỏi thuê nhà bà để bán bia và ăn sáng. Bà Đ1 cho biết chị T5 và chị H thuê nhà để chung nhau bán hàng. Bà không thường xuyên đến quán nên không biết việc bị cáo H cho người khác sử dụng ma túy tại quán nhà bà.

Tại Cáo trạng số: 84/CT- VKSUB ngày 18 - 10 - 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố bị cáo Nông Thị H về tội: “chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự, các bị cáo Phạm Văn K, Đinh Tiến Đ, Trần Thị T3 về tội: “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo bản Cáo trạng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1 Điều 51, Điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Thị H từ 7 năm 6 tháng tù đến 8 năm tù về tội “chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 9/5/2023.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự: Tuyên các bị cáo Phạm Văn K, Đinh Tiến Đ, Trần Thị T3 đều phạm tội: “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; xử phạt bị cáo Phạm Văn K từ 7 năm 6 tháng tù đến 8 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 9/5/2023; bị cáo Đinh Tiến Đ từ 7 năm tù đến 7 năm 6 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 9/5/2023; bị cáo Trần Thị T3 từ 6 năm tù đến 7 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời hạn bị tạm giữ.

- Về hình phạt bổ sung: các bị cáo không có nghề nghiệp nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

- Về xử lý vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu cho tiêu huỷ 01 (một) phong bì niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định số 578/KL - KTHS ngày 19/10/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Q; 01 vỏ chai nhựa màu trắng, nắp xanh đục 02 lỗ tròn, 01 ống hút nhựa màu đỏ dài 20 cm; 01 bật lửa gas dán chữ “ Hoa Việt ” các sim điện thoại số 0836.912.929 ; 0934.204.222.

+ Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại Iphone màu vàng và 01 (một) điện thoại Iphone màu đen.

+ Trả lại cho bị cáo Nông Thị H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng gắn sim số 0379.399.224.

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Văn K 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO vỏ màu xanh đen gắn sim số 0398.043.188.

Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ cũng như hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người làm chứng với biên bản kiểm tra, biên bản bắt giữ khẩn cấp, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 09/5/2023, tại chỗ ở của Nông Thị H ở tổ C, khu H, phường V, thành phố U. Phạm Văn K, Đinh Tiến Đ, Trần Thị T3 có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy loại Methamphetamine. Hành vi của bị cáo Phạm Văn K, Đinh Tiến Đ, Trần Thị T3 đủ yếu tố cấu thành tội: “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nông Thị H là người thuê quán để bán hàng, phải có trách nhiệm trông coi, quản lý quán, bị cáo biết việc Phạm Văn K, Đinh Tiến Đ, Nguyễn Văn M sử dụng ma túy tại phòng do mình quản lý nhưng để mặc cho các đối tượng sử dụng. Hành vi của bị cáo Nông Thị H đủ yếu tố cấu thành tội: “chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự, Viện kiểm sát nhân thành phố U truy tố và kết luận về hành vi phạm tội đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Hình phạt chính:

Các bị cáo là người trưởng thành, có khả năng nhận thức được tác hại của ma túy, biết hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an xã hội.

Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

- Bị cáo Nông Thị H là chủ quán quản lý việc kinh doanh, biết việc các bị cáo sử dụng ma túy tại phòng do mình quản lý nhưng đồng ý nên phải chịu trách nhiệm độc lập về hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

- Về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Các bị cáo Phạm Văn K, Đinh Tiến Đ, Trần Thị T3 thực hiện hành vi với vai trò đồng phạm giản đơn. Bị cáo Phạm Văn K là người khởi sướng bỏ tiền để mua ma túy, bị cáo Đ trực tiếp đi mua ma túy, chuẩn bị dụng cụ, pha chế ma túy mời gọi mọi người vào dùng do đó bị cáo K và Đ có vai trò ngang nhau, bị cáo T3 là đồng phạm tham gia với vai trò thứ yếu nên có mức án thấp hơn bị cáo K và Đ.

Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo Phạm Văn K, Đinh Tiến Đ, Trần Thị T3 chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 30/11/2021 bị cáo Nông Thị H bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xử phạt 21 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” ngày 26/03/2023 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân lại tiếp tục phạm tội do đó bị cáo H phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “ tái phạm” qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T3 tiền án tiền sự chưa có, hiện tại 1 mình nuôi 2 con nhỏ, trong đó có 1 con dưới 36 tháng tuổi, đồng phạm trong vụ án với vai trò thứ yếu.

Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo như đã phân tích, Hội đồng xét xử xét thấy phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, buộc các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[3.2] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng và theo quy định tại khoản 3 Điều 256 Bộ luật Hình sự người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng. Xét các bị cáo không có tài sản riêng, gia đình hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Số ma túy hoàn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, bộ đồ sử dụng ma túy, các sim điện thoại; 0836.912.929; 0934.204.222 liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu tiêu hủy; 01 (một) điện thoại Iphone vỏ màu vàng thu của bị cáo Đ và 01 (một) điện thoại Iphone vỏ màu đen thu của bị cáo T3 các bị cáo dùng để liên lạc mua ma túy, liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước; 01 (một) điện thoại Iphone vỏ màu trắng gắn sim số 0379.399.224 thu của bị cáo H và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO vỏ màu xanh đen gắn sim số 0398.043.188 thu của bị cáo K không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo H và bị cáo K.

[5] Về các vấn đề khác: đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo Đinh Tiến Đ, quá trình điều tra không xác định được lai lịch và địa chỉ, nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Nguyễn Văn M sử dụng ma túy với Đ và K, Công an thành phố U đã xử phạt vi phạm hành chính, nên không đề cập xử lý.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố:* bị cáo Nông Thị H phạm tội: “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nông Thị H 08 (tám) năm tù thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 9/5/2023.

Tuyên bố: các bị cáo Phạm Văn K, Đinh Tiến Đ và Trần Thị T3 phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn K 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 9/5/2023.

Xử phạt bị cáo Đinh Tiến Đ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 9/5/2023.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T3 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời hạn bị tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 17/5/2023.

2. *Về xử lý vật chứng:* căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu cho tiêu huỷ 01 (một) phong bì niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định số 578/KL - KTHS ngày 19/10/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Q; 01 vỏ chai nhựa màu trắng, nắp xanh đục 02 lỗ tròn, 01 ống hút nhựa màu đỏ dài 20 cm; 01 bật lửa gas dán chữ “ Hoa Việt ” các sim điện thoại số 0836.912.929 ; 0934.204.222.

+ Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại Iphone màu vàng và 01 (một) điện thoại Iphone màu đen.

+ Trả lại cho bị cáo Nông Thị H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng gắn sim số 0379.399.224.

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Văn K 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO vỏ màu xanh đen gắn sim số 0398.043.188.

(Số vật chứng, tài sản trên có tình trạng và đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng số 22 ngày 19 tháng 10 năm 2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố U và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

3. *Về án phí*: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Nông Thị H, Phạm Văn K, Đinh Tiến Đ, Trần Thị T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND-TP. Uông Bí;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an TP Uông Bí;
- Cơ quan điều tra Công an TP Uông Bí;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Uông Bí;
- Chi cục THADS TP. Uông Bí;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thiên Nga

